

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 5 - 2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Danh Hoàng S, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Mỹ T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh S, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, nguyên đơn anh Danh Hoàng S trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Mỹ T tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần

nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con tên Danh Lâm H sinh ngày 01/01/2000, Danh Thị N sinh ngày 01/01/2001 và Danh Thị Y sinh ngày 01/01/2005, hiện các cháu do anh đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Anh S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh S xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản ngày 13/3/2018, bị đơn chị Nguyễn Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T xác định lời trình bày của anh S là đúng. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Chị T xác định có 03 con chung như anh S trình bày là đúng. Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, con theo ai người đó nuôi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T đồng ý với lời trình bày của anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Danh Hoàng S và chị Nguyễn Mỹ T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Danh Hoàng S và chị Nguyễn Mỹ T chung sống với nhau năm 2000, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn khởi kiện anh S yêu cầu được ly hôn với chị T; đối với chị T có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Danh Hoàng S với chị Nguyễn Mỹ T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Danh Hoàng S và chị Nguyễn Mỹ T có 03 người con tên Danh Lâm H sinh ngày 01/01/2000, Danh Thị N sinh ngày 01/01/2001 và Danh

Thị Y sinh ngày 01/01/2005; đối với cháu H đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với cháu N và cháu Y đang sống cùng với anh S. Khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi cháu như N và cháu Y, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con ở với ai thì người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản về việc ghi ý kiến của con chung đối với cháu Danh Thị Y sinh ngày 01/01/2005 và cháu Danh Thị N sinh ngày 01/01/2001 thì các cháu Y và N đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu Y và N cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh S và chị T không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh S và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Anh S và chị T xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Danh Hoàng S và chị Nguyễn Mỹ T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai cháu Danh Thị N sinh ngày 01/01/2001 và Danh Thị Y sinh ngày 01/01/2005 cho chị T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu N và Y đều tròn 18 tuổi. Anh S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Danh Hoàng S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh S đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009624 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng